

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

“V/v ly hôn giữa chị và anh N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Kim Hoa – Ông Nguyễn Công Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1988 – có mặt

Nơi ĐKNKTT: khối Tân Tiến, phường Lê N, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: P802 chung cư T- T Quang T, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Trần Đại N – sinh năm 1981- vắng mặt

Nơi ĐKNKTT: khối Tân Tiến, phường Lê N, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: P802 chung cư T- T Quang T, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Đại N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 13/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về nhiều mặt, không có niềm tin và sự tôn trọng nhau, anh N không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, không đóng góp tài chính hàng tháng và cũng không rõ ràng về thu nhập và chi tiêu, vợ chồng đã không còn quan tâm gì đến nhau việc của ai người đó làm từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Gia Hân - sinh ngày 10/4/2012 và Trần Ngọc Bảo An – sinh ngày 07/5/2015, ly hôn chỉ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chỉ không yêu cầu Tòa án giải quyết. về nợ thì vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với Anh Trần Đại N. Giao 02 con chung là Trần Ngọc Gia Hân – sinh ngày 10/4/2012 và Trần Ngọc Bảo An – sinh ngày 07/5/2015 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N do chị Thủy không yêu cầu. Về tài sản không giải quyết. Chị phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và con chung, Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Đại N có ĐKNKTT tại phường Lê N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của bị đơn: Ngày 09/6/2021 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trần Đại N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo và triệu tập anh N đến làm việc nhiều lần nhưng tại các buổi làm việc anh N đều không có mặt, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được thuộc trường hợp quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án cũng đã tổng đạt cho anh N. Tại phiên tòa được mở lần thứ nhất vào ngày 04/10/2021 anh N vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ hai nhưng anh N vẫn không có mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Trần Đại N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 13/9/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh N là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị và anh N thấy rằng: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có niềm tin và sự tôn trọng nhau, bản thân chị không còn tình cảm với anh N nữa, và cũng không muốn tiếp tục chung sống với anh N. Như vậy, có thể khẳng định cuộc hôn nhân giữa chị và anh N trên thực tế không còn tồn tại một thời gian dài, chứng tỏ chị và anh N không tìm thấy hạnh phúc trong việc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị được ly hôn anh N.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đại N có 02 con chung là Trần Ngọc Gia Hân – sinh năm 10/4/2012 và Trần Ngọc Bảo An – sinh ngày 07/5/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh N vắng mặt nên không có ý kiến của anh N về việc nuôi dưỡng con chung và hiện tại các cháu đang sống cùng với chị. Vì vậy, vợ chồng ly hôn cần chấp nhận yêu cầu của chị là giao 02 con chung Trần Ngọc Gia Hân, Trần Ngọc Bảo An cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N.

[3] Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T Thủy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 147, 207, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị T và Anh Trần Đại N.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Trần Ngọc Gia Hân – sinh ngày 10/4/2012 và Trần Ngọc Bảo An – sinh ngày 07/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Đại N do chị không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Đại N vắng mặt vì vậy cần tách phần tài sản ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số 0003596 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

5. Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSTP Vinh;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND p. Lê N, TP Vinh;
- (GCNKH số 82 tháng 9/2011)
- Lưu HS VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

